

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Hoàng;
- Ông Lê Văn Lại.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Xuân Lai và bà Phan Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo

Đỗ Thanh T (tên gọi khác là B), sinh năm 1990, tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn R, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1954; vợ con: chưa có; tiền án có 02 tiền án tại:

+ Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, xử phạt Đỗ Thanh T 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án số 29/2022/HS-ST ngày 26-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt Đỗ Thanh T 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự: Không có.
- Về nhân thân:

- Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 04 tháng 28 ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 11/2011/HSPT. Ngày 17/01/2011.

Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 86/2017/QĐ-TA Ngày 18/4/2017, thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 12/3/2018;

Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 07/QĐ-TA Ngày 22/01/2019, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 13/5/2020;

Công an xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 03/7/2020, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, xử phạt số tiền 750.000 đồng, nộp phạt ngày 21/7/2020;

Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPHC Ngày 05/8/2020, về hành vi trộm cắp tài sản, xử phạt số tiền 1.500.000 đồng, nộp phạt ngày 05/9/2021;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay (có mặt).

Bị hại:

Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Ông Dương Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Ông Trần Văn T2, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 14/11/2023, Đỗ Thanh T đi bộ một mình từ nhà thuộc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh đến khu vực đồng ruộng thuộc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh tìm tài sản để trộm cắp. T phát hiện một xe mô tô không biển số, màu sơn đỏ đen của bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh không có người trông coi, T lấy trộm xe mô tô và đem về nhà cất giấu để chờ đem đi tiêu thụ. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe trộm được của bà Liên tiếp t đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến khu vực đồng ruộng thuộc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe mô tô biển số 70K1-6967 của ông Dương Văn S, sinh năm 1967, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh dựng cặp bờ ruộng không có người trông coi, T lấy trộm xe mô tô biển số 70K1-6967 mang về nhà cất giấu và bỏ lại xe mô tô đã trộm

trước đó của bà L. Khi đem xe về nhà, T thay đổi bộ đồ mũ, gỡ biển số xe mô tô trộm được của ông S nhằm không để chủ xe phát hiện, T điều khiển xe mô tô trộm được của ông S đến nhà anh Ngô Thanh P, sinh năm 1983, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Lúc này, anh P không có nhà, T cất giấu xe mô tô bên hông nhà anh P chờ cơ hội đem đi tiêu thụ. Đến khoảng 10 giờ ngày 15/11/2023, anh P đi ruộng về thì bị phát hiện xe mô tô không rõ của ai để bên hông nhà. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, anh P đem xe mô tô đến Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh trình báo và giao nộp.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 21/11/2023, T tiếp tục đi bộ một mình từ nhà đến ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh tìm tài sản trộm cắp, T phát hiện 01 xe mô tô biển số 70B1-668.22 của ông Trần Văn T2, sinh năm 1965, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh đang dựng trước sân nhà không có người trông coi, T lấy trộm xe đem về nhà cất giấu chờ đem đi tiêu thụ. Đến ngày 25/11/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 70B1-668.22 đi từ nhà đến xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh gặp anh Võ Thanh N, sinh năm 1982, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nói dối là xe của T, do cần tiền tiêu xài nên đem bán. T kêu anh N đi cùng đến tiệm sửa xe tên “Phú” thuộc xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh để bán xe mô tô biển số 70B1-668.22 và nhờ anh N chở về. Sau khi bán xe được số tiền 700.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

* Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 17/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C Tây Ninh kết luận:

- 01 xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RRKWCHBUM5X011237, số máy không xác định (đã đục xóa), không có giấy chứng nhận đăng ký xe có giá trị là 1.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô biển số 70K1-6967, màu sơn xanh, số khung RLHHC1219DY306871, số máy không xác định (đã đục xóa), không có giấy chứng nhận đăng ký xe có giá trị là 1.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, biển số 70B1-668.22, màu sơn nâu, số khung GL32YA101610, số máy FMG310124532, dung tích 97 m³, đăng ký lần đầu ngày 10/7/2009 có giá trị là 2.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Dương Văn S không yêu cầu bồi thường; ông Trần Văn T2 yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, Đỗ Thanh T hiện chưa bồi thường.

Về kết quả thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) biển số xe số 70K1-6967 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) cờ lê bằng kim loại dài 20 cm, có dòng chữ 17 DIAMOND BRAND 17 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) tua vít dài 20 cm, có một đầu bằng kim loại dài 12 cm, một đầu bằng nhựa dài 08 cm (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RRKWCHBUM5X011237, số máy không xác định (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RLHHC1219DY306871, số máy không xác định (đã qua sử dụng);

- 02 (một) mảnh nhựa màu xanh (đã qua sử dụng);

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036132, mang tên Võ Văn T3, biển số đăng ký 70B1-668.22, đăng ký ngày 26/4/2017, nơi cấp Phòng Cảnh sát giao – Công an tỉnh T (bản gốc).

Qua xác minh Đỗ Thanh T không có tài sản nên không tiến hành kê biên tài sản.

Tại Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSCT ngày 05 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Đỗ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Ông S, ông T3, bà L vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Bị cáo Đỗ Thanh T thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường cho ông Trần Văn T2 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội danh nêu trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: ông S, bà L không yêu cầu bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Buộc bị cáo T bồi thường cho ông Trần Văn T2 số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà L 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RRKWCHBUM5X011237, số máy không xác định (đã qua sử dụng) và trả cho ông S 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RLHHC1219DY306871, số máy không xác định (đã qua sử dụng) và 01 (một) Biển số xe số 70K1-6967 (đã qua sử dụng). Các vật chứng khác không có giá trị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Đỗ Thanh T không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy lời khai của người bị hại trong quá trình giải quyết vụ án đã rõ, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi và hậu quả:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; có cơ sở xác định từ ngày 14/11/2023 đến 21/11/2023, Đỗ Thanh T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã L, huyện C, Tây Ninh; cụ thể vào lúc 07 giờ ngày 14/11/2023 tại ấp L, xã L, huyện C, T đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô không biển số, màu sơn đỏ đen của bà Nguyễn Thị Hồng L, trị giá 1.000.000 đồng. Vào lúc 21 giờ cùng ngày 14/11/2023 tại ấp L, xã L, C, T lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 70K1-6967 của ông Dương Văn S, trị giá 1.000.000 đồng. Vào lúc 23 giờ ngày 21/11/2023, tại nhà của ông Trần Văn T2, địa chỉ: ấp L, xã L, C, Tây Ninh, T tiếp tục lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 70B1-668.22 của ông T2, trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của 3 người bị hại là 4.000.000 đồng. Bị cáo T đã bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản vào năm 2021, tái phạm về hành vi trộm cắp tài sản vào năm 2022 chưa được xóa án tích; lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố để cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy về sử dụng nên đã cố ý phạm

tội. Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản nhưng sau khi ra tù không cải tạo tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi lượng hình phải xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần tại 03 địa điểm và khoảng thời gian khác nhau; cả 03 lần thực hiện hành vi của bị cáo đều đủ yếu tố để định tội “Trộm cắp tài sản” và đủ yếu tố định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị căn cứ vào các điều luật nêu trên để xử phạt bị cáo là phù hợp pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Về bồi thường thiệt hại:

Ông S và bà L yêu cầu được nhận lại xe bị trộm và không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông T2 yêu cầu được bồi thường số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Hiện nay tài sản bị cáo đã bán được 700.000 đồng tiêu xài cá nhân hết và không thu hồi được tài sản. Xét thấy xe mô tô của ông Thành Hội đ định giá là 2.000.000 đồng. Ông T2 yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng và bị cáo đồng ý với mức bồi thường này. Do vậy cần buộc bị cáo T bồi thường cho ông T2 số tiền 2.000.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng do bà Huỳnh Thị T1 nộp thay cho bị cáo theo biên lai thu số 0004152 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo bán tài sản trộm cắp của ông T2 được 700.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền này là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản tuy nhiên cần buộc bị cáo bồi thường cho ông T2 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng nên không tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo số tiền này.

[5.2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với vật chứng là:

01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RLHHC1219DY306871, số máy không xác định (đã qua sử dụng) và 01 (một) biển số xe số 70K1-6967 (đã qua sử dụng); ông S xác định là của ông S và yêu cầu được nhận lại do vậy cần trả lại cho ông S;

01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RRKWCHBUM5X011237, số máy không xác định (đã qua sử dụng) bà L xác định là của bà L và yêu cầu được nhận lại, do vậy cần trả cho bà L.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036132, mang tên Võ Văn T3, biên số đăng ký 70B1-668.22, đăng ký ngày 26/4/2017, nơi cấp Phòng Cảnh sát giao – Công an tỉnh T (bản gốc) là của ông Trần Văn T2 giao nộp cần trả lại cho ông Trần Văn T2.

Đối với vật chứng là: 01 (một) cờ lê bằng kim loại dài 20 cm, có dòng chữ 17 DIAMOND BRAND 17 (đã qua sử dụng); 01 (một) tua vít dài 20 cm, có một đầu bằng kim loại dài 12 cm, một đầu bằng nhựa dài 08 cm (đã qua sử dụng); 02 (một) mảnh nhựa màu xanh (đã qua sử dụng).

Những vật chứng trên không có giá trị sử dụng; là công cụ phương tiện phạm tội. Bị cáo và người bị hại không yêu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi của anh Ngô Thanh P và anh Võ Thanh N không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xử lý.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị kết án và phải bồi thường thiệt hại cho ông T2 nên bị cáo T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2023.

2. Về biện pháp tư pháp:

2.1. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận ông S, bà L không yêu cầu bồi thường thêm.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông Trần Văn T2 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng do bà Huỳnh Thị T1 nộp thay cho bị cáo theo biên lai thu số 0004152 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Dương Văn S: 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RLHHC1219DY306871, số máy không xác định (đã qua sử dụng) và 01 (một) biển số xe số 70K1-6967 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L: 01 (một) xe mô tô không có biển số, màu sơn đỏ đen, số khung RRKWCHBUM5X011237, số máy không xác định (đã qua sử dụng);

Trả lại cho ông Trần Văn T2: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036132, mang tên Võ Văn T3, biển số đăng ký 70B1-668.22, đăng ký ngày 26/4/2017, nơi cấp Phòng Cảnh sát giao – Công an tỉnh T (bản gốc).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cờ lê bằng kim loại dài 20 cm, có dòng chữ 17 DIAMOND BRAND 17 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) tua vít dài 20 cm, có một đầu bằng kim loại dài 12 cm, một đầu bằng nhựa dài 08 cm (đã qua sử dụng);

- 02 (một) mảnh nhựa màu xanh (đã qua sử dụng);

Những vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Đỗ Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu kho, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân